

Trường Cao Đẳng Công Thương TP.HCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học Kỳ 1 - Năm Học 2022-2023

Môn học/Nhóm
CBGD

Giáo dục quốc phòng và an ninh - Nhóm 19
Trương Xuân Hùng

Số tín chỉ: 5

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3	BP. 4	BP. 5	ĐQT	Ghi chú
1	2122190041	Võ Thị Linh	Diễm	05/10/2004	CCQ2219LA	7.7	8	7.8	8.7	9	8.4	
2	2122190122	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	26/01/2004	CCQ2219LA	0	0	0	0	0	0.0	
3	2122190152	Trương Nguyễn Hương	Giang	21/03/2004	CCQ2219LA	7	8	7.8	9.3	9	8.5	
4	2122190118	Huỳnh Vũ Ngọc	Hân	26/04/2004	CCQ2219LA	7.7	7	7.8	8	9	8.1	
5	2121110300	Phan	Hiền	12/12/2003	CCQ2111LA	8.3	9	7.5	7	9	8.1	
6	2121110257	Vũ Minh	Hiếu	17/06/2003	CCQ2111LA	8.7	7.3	7.5	10	9	8.8	
7	2121110041	Đình Ngọc	Hoàng	10/04/1997	CCQ2111LA	8.3	7	7.5	9.3	9	8.5	
8	2119170612	Nguyễn Như	Hoàng	10/09/1999	CCQ1917LA	7.7	7.3	7.5	9.3	9	8.4	
9	2121110030	Trần Quốc	Huy	30/05/2003	CCQ2111LA	8.3	7	7.5	9	10	8.7	
10	2122190129	Nguyễn Trương Phương	Lâm	16/01/1999	CCQ2219LA	0	0	0	0	0	0.0	
11	2121190026	Ngô Thùy	Linh	29/03/2003	CCQ2119LA	5.7	5.7	7.5	9.3	9	7.9	
12	2122190112	Nguyễn Thị Thùy	Linh	28/08/2004	CCQ2219LA	6.3	7.7	7.8	9.7	9	8.5	
13	2121190064	Trần Thảo	My	22/01/2003	CCQ2119LA	6.3	8	7.5	9.3	9	8.3	
14	2121190125	Trần Nguyễn Bảo	Ngân	18/01/2003	CCQ2119LA	7	8.7	7.5	8	9	8.2	
15	2121190003	Lê Thị Huỳnh	Như	17/07/2003	CCQ2119LA	7.3	9	7.5	7	10	8.3	
16	2121110306	Trần Minh	Phát	03/09/2003	CCQ2111LA	8.7	7.7	7.5	8.7	9	8.5	
17	2121190089	Nguyễn Thị Hồng	Phương	22/11/2003	CCQ2119LA	7.7	9.3	7.5	7	9	8.1	
18	2122190114	Lê Thúy Như	Quỳnh	21/08/2004	CCQ2219LA	7.7	7.7	7.8	6	9	7.6	
19	2122170857	Nguyễn Trường	Sang	18/03/2000	CCQ2217LA	7.7	9	7.5	9.7	9	8.8	
20	2122170858	Dương Trọng	Thuần	19/02/2004	CCQ2217LB	0	0	0	0	0	0.0	
21	2122190086	Trần Thanh	Thương	02/09/2004	CCQ2219LA	8.7	7.3	7.8	8	10	8.5	
22	2121110078	Cao Xuân	Tùng	04/10/2003	CCQ2111LA	6.3	7	7.5	9.3	10	8.5	
23	2121190028	Đỗ Thị Thu	Vân	30/08/2003	CCQ2119LA	7.3	9.7	7.5	8	9	8.4	
24	2121110125	Nguyễn Thế	Vinh	04/10/2003	CCQ2111LA	7.3	7.7	7.5	10	9	8.6	
25	2121190014	Lữ Hà Tường	Vy	02/02/2003	CCQ2119LA	6.7	8.3	7.8	8.3	9	8.2	
26	2121110056	Phạm Thị Phương	Vy	02/11/2001	CCQ2111LA	7.7	9	7.5	8.3	9	8.4	
27	2122190127	Doanh Thị Hải	Yên	24/12/2001	CCQ2219LA	8.3	7.3	7.8	9.3	9	8.6	

Trường Cao Đẳng Công Thương TP.HCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC - HỌC PHẦN

Học Kỳ 1 - Năm Học 2022-2023

Môn học/Nhóm **Giáo dục quốc phòng và an ninh - Nhóm 19**
CBGD **Trương Xuân Hùng**

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm môn học/học phần
1	2122190041	Võ Thị Linh	Diễm	05/10/2004	CCQ2219LA	8.4	6.8	7.4
2	2122190122	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	26/01/2004	CCQ2219LA	0.0	0.0	0.0
3	2122190152	Trương Nguyễn Hương	Giang	21/03/2004	CCQ2219LA	8.5	7.4	7.8
4	2122190118	Huỳnh Vũ Ngọc	Hân	26/04/2004	CCQ2219LA	8.1	6.6	7.2
5	2121110300	Phan	Hiền	12/12/2003	CCQ2111LA	8.1	7.2	7.6
6	2121110257	Vũ Minh	Hiếu	17/06/2003	CCQ2111LA	8.8	6.6	7.5
7	2121110041	Đinh Ngọc	Hoàng	10/04/1997	CCQ2111LA	8.5	6.4	7.2
8	2119170612	Nguyễn Như	Hoàng	10/09/1999	CCQ1917LA	8.4	7.2	7.7
9	2121110030	Trần Quốc	Huy	30/05/2003	CCQ2111LA	8.7	6.8	7.6
10	2122190129	Nguyễn Trương Phương	Lâm	16/01/1999	CCQ2219LA	0.0	0.0	0.0
11	2121190026	Ngô Thùy	Linh	29/03/2003	CCQ2119LA	7.9	6.8	7.3
12	2122190112	Nguyễn Thị Thùy	Linh	28/08/2004	CCQ2219LA	8.5	6.4	7.2
13	2121190064	Trần Thảo	My	22/01/2003	CCQ2119LA	8.3	6.4	7.2
14	2121190125	Trần Nguyễn Bảo	Ngân	18/01/2003	CCQ2119LA	8.2	7.4	7.7
15	2121190003	Lê Thị Huỳnh	Như	17/07/2003	CCQ2119LA	8.3	7.6	7.9
16	2121110306	Trần Minh	Phát	03/09/2003	CCQ2111LA	8.5	7.8	8.1
17	2121190089	Nguyễn Thị Hồng	Phương	22/11/2003	CCQ2119LA	8.1	7.8	7.9
18	2122190114	Lê Thúy Như	Quỳnh	21/08/2004	CCQ2219LA	7.6	7.0	7.2
19	2122170857	Nguyễn Trường	Sang	18/03/2000	CCQ2217LA	8.8	6.2	7.2
20	2122170858	Dương Trọng	Thuần	19/02/2004	CCQ2217LB	0.0	0.0	0.0
21	2122190086	Trần Thanh	Thương	02/09/2004	CCQ2219LA	8.5	7.0	7.6
22	2121110078	Cao Xuân	Tùng	04/10/2003	CCQ2111LA	8.5	5.8	6.9
23	2121190028	Đỗ Thị Thu	Vân	30/08/2003	CCQ2119LA	8.4	7.2	7.7
24	2121110125	Nguyễn Thế	Vinh	04/10/2003	CCQ2111LA	8.6	7.8	8.1

25	2121190014	Lữ Hà Tường Vy	02/02/2003	CCQ2119LA	8.2	8.0	8.1
26	2121110056	Phạm Thị Phương Vy	02/11/2001	CCQ2111LA	8.4	7.2	7.7
27	2122190127	Doanh Thị Hải Yến	24/12/2001	CCQ2219LA	8.6	7.4	7.9

Tp. HCM, ngày 14 tháng 11 năm 2022

GIẢNG VIÊN

Trương Xuân Hùng